

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY KHÍ CÔNG TY CP KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC NĂM 2009

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

⚡ Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- ❖ Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (PVGAS North) tiền thân là Công ty Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Bắc - thành lập theo Quyết định số 826/QĐ-DKVN ngày 12/4/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam trên cơ sở Xí nghiệp 2 thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (được thành lập theo Quyết định số 2062/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2000 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam) và bộ phận kinh doanh khí hoá lỏng của Công ty Thương mại Dầu khí tại các tỉnh phía Bắc.
- ❖ Để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tạo chủ động cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 20/12/2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 3733/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc thành Công ty cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc.
- ❖ Ngày 25/06/2007, Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018088, đánh dấu sự ra đời của Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc. Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2007.
- ❖ Ngày 07/08/2007, Hội đồng quản trị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 4589/NQ-DKVN về việc chuyển quyền sở hữu cổ phần của Tập đoàn Dầu khí tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực khí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên Tổng Công ty khí (PV Gas), trong đó có Công ty PV Gas North. Công ty Trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên Tổng Công ty khí (PV Gas) được hình thành theo quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18/7/2007, là công ty TNHH 1 thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.
- ❖ Mặc dù công ty cổ phần mới thành lập nhưng PVGAS NORTH được thừa hưởng cơ sở sản xuất kinh doanh, hệ thống khách hàng, mạng lưới phân phối cũng như đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp Nhà nước là công ty TNHH 1 thành viên Chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí. Do vậy, Công ty có những lợi thế kinh doanh nhất định, như sau:

- ✓ Nguồn cung cấp gas ổn định từ Nhà máy Chế biến khí Dinh Cố;
 - ✓ Từ quý I/2009 sẽ được bổ sung nguồn từ Nhà máy lọc dầu số 1 –Dung quất
 - ✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh LPG của PVGAS NORTH trải dài và rộng khắp các tỉnh phía bắc cho tới Đà Nẵng;
 - ✓ Mạng lưới phân phối và hệ thống chiết nạp vệ tinh phân phối đều khắp thị trường miền Bắc;
 - ✓ Là một trong những công ty có thị phần cung cấp gas lớn nhất miền Bắc;
 - ✓ Thương hiệu PetroVietnam Gas với các sản phẩm bình gas màu hồng đã có vị thế trên thị trường.
 - ✓ PVGas North là thành viên của Tổng công ty Khí trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- ❖ Hiện nay, PVGAS NORTH có 01 Tổng kho LPG tại Hải Phòng với sức chứa 1108 tấn và đang triển khai xây dựng 01 Tổng kho LPG Đình Vũ Hải Phòng với sức chứa 7500 tấn, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng vào quý I năm 2009.
 - ❖ Song song với việc đầu tư thêm kho chứa LPG tại Hải Phòng, PVGAS NORTH xây dựng 01 kho chứa LPG tại Vũng Áng – Hà Tĩnh với công suất 3285 tấn và 01 kho chứa LPG tại Đà Nẵng có công suất 1500 tấn nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng LPG trên thị trường Miền Bắc và Miền Trung Việt Nam. Bên cạnh đó, hệ thống các trạm chiết nạp bình gas 12 kg và 45 kg mang thương hiệu PETROVIETNAM GAS có mặt khắp các tỉnh, thành phố trên đất nước Việt Nam.
 - ❖ Dự án 01 kho chứa LPG tại Đà Nẵng có sức chứa 3000 tấn (giai đoạn I sức chứa 1500 tấn) đang trong quá trình lập dự án, dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2009, hoàn thành vào năm 2010.
 - ❖ Nhằm mở rộng công tác dịch vụ trong kinh doanh gas công ty đã quyết định đầu tư hai hệ thống kiểm định và sơn sửa bình gas tại thành phố Nam định và Đà Nẵng.
 - ❖ Hiện tại công ty có hệ thống các trạm chiết nạp bình gas 12 kg và 45 kg mang thương hiệu PETROVIETNAM GAS ở khắp các tỉnh, thành phố tại khu vực miền Bắc và miền Trung.
 - ❖ PVGAS NORTH có hệ thống đại lý phân phối sản phẩm bình gas 12kg và 45kg ở khắp các tỉnh, thành phố trong phạm vi kinh doanh của mình.

↓ **Vốn Điều lệ**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 135.000.000.000 (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/06/2007.

Quá trình tăng vốn điều lệ lên 266.170.000.000 (Hai trăm sáu mươi sáu tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) diễn ra như sau:

Ngày 29/10/2007, Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty đã họp và đưa ra Nghị quyết số 09/NQ-ĐHCD-KMB thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 06/06/2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quyết định số 303/UBCK-GCN, cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Khí hóa lỏng Miền Bắc, tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 13.500.000 (Mười ba triệu năm trăm nghìn cổ phiếu). Thời gian phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp phép.

Được sự thông qua của Đại hội đồng cổ đông cùng với chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã tiến hành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo phương án sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng)
- Tỷ lệ phân phối: 100:98 (nghĩa là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được hưởng 98 quyền mua, cứ một quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới phát hành thêm)
- Đối tượng:

+ Cổ đông sáng lập (Công ty TNHH 1 thành viên Tổng công ty Khí Việt Nam): số lượng cổ phần phân phối là 9.716.172 cổ phần, trong đó:

- o 6.801.320 cổ phần mua với giá 10.000 đồng/cổ phần
- o 2.914.852 cổ phần mua với giá 15.000 đồng/cổ phần

+ Cổ đông hiện hữu: số lượng cổ phần phân phối là 3.513.828 cổ phần, trong đó:

- o 2.459.680 cổ phần mua với giá 10.000 đồng/cổ phần
- o 1.054.148 cổ phần mua với giá 15.000 đồng/cổ phần

+ Cán bộ công nhân viên trong Công ty: số lượng cổ phần phân phối là 270.000 cổ phần với giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tính đến ngày 15/08/2008, sau khi kết thúc đợt phát hành, số vốn điều lệ của Công ty tăng thêm là 131.170.000.000 (Một trăm ba mươi một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng), nâng số vốn điều lệ của Công ty lên 266.170.000.000 (Hai trăm sáu mươi sáu tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngày 10/09/2008, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018088 với số vốn điều lệ là 266.170.000.000 (Hai trăm sáu mươi sáu tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

II. Quá trình phát triển

1. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh khí hoá lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện; kho bãi; trạm chiết nạp khí hoá lỏng;
- Dịch vụ vận tải khí hoá lỏng;
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực
- Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực.

2. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
- Xây dựng PVGAS N trở thành đơn vị mạnh của TCT Khí và Tập đoàn Dầu khí, đơn vị kinh doanh LPG hàng đầu ở Miền bắc Việt nam
- Dựa vào nền tảng phát triển của công nghiệp dầu khí, của tập đoàn Dầu khí, chính sách mở cửa của nền kinh tế Việt nam, công ty PVGASN phải được xây dựng thành một công ty sản xuất và kinh doanh mạnh về quy mô thị trường, vốn, công nghệ, lao động, khả năng hợp tác, hội nhập, cạnh tranh trong nước và quốc tế.
- Tốc độ tăng trưởng trung bình từ năm 2008- 2025 : 12%/năm trong đó 2007-2010: 17%/năm, 2011- 2015: 11%/năm, 2016-2020: 9%, 2021-2025: 8%

III. Báo cáo của Hội đồng quản trị, :

1. Kết quả nổi bật trong năm 2009:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thực hiện năm 2008</i>	<i>Tỷ lệ thực hiện kế hoạch 2008</i>	<i>Thực hiện năm 2009</i>	<i>Tỷ lệ thực hiện kế hoạch năm 2009</i>
-----------------	---------------------------	--------------------------------------	---------------------------	--

Sản lượng	88.937 Tấn	109%	128.244 Tấn	117%
Doanh thu	1.341 tỷ	130%	1.580 tỷ	134%
LN trước thuế	8,8 tỷ	38,2%	28,3 tỷ	114 %
Cổ tức	3%	50%	dự kiến 8%	114 %

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Những dự án đầu tư trong năm 2009

2. Dự án đầu tư

2.1 Dự án Tổng kho Khí hóa lỏng miền Bắc – Giai đoạn I

Tình hình thực hiện đầu tư sáu tháng đầu năm 2009 và ước thực hiện năm 2009

- Tổng mức đầu tư: 186,6 tỷ VNĐ
- Qui mô: 3,000 MT; Dự án nhóm B
- Khởi công: 01/2008
- Ngày 21/08/2009 Tổng kho Khí hóa lỏng Miền Bắc –Đình Vũ tổ chức khánh thành và đưa vào sử dụng.

2.2 Dự án Tổng kho Khí hóa lỏng Bắc Trung bộ - Giai đoạn I

Tình hình thực hiện dự án:

- Tổng mức đầu tư: 122,8 tỷ VNĐ
- Qui mô: 1,785 MT; Dự án nhóm B
- Ngày khởi công: 12/2009
- Hoàn thành: Quý 2/2011

Khối lượng công việc hoàn thành: thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lựa chọn nhà thầu xây lắp và EPC bồn chứa.

2.3 Dự án Trung tâm kiểm định và sơn sửa bình Gas Nam Định – Giai đoạn I

Tình hình thực hiện dự án:

- Tổng mức đầu tư: 18,61 tỷ VNĐ
- Qui mô: 900 bình/ngày MT; Dự án nhóm C
- Ngày khởi công: 09/2008
- Hoàn thành: Quý II/2010

Đã ký hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Nam Định với diện tích 13000 m2

Khởi công xây dựng công trình tháng 09/2008 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong Quý II /2009.

Đã bàn giao nhà hành chính để đưa vào sử dụng.

2.4 Dự án Trung tâm kiểm định và sơn sửa bình Gas Đà Nẵng

Tình hình thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 6,919 tỷ VNĐ
- Qui mô: 600 bình/ngày MT; Dự án nhóm C
- Ngày khởi công: Quý 10/2008
- Hoàn thành: Quý I/2010

Đã ký hợp đồng thuê đất tại khu công nghiệp liên chiều 4000 m²

Khởi công vào tháng 10/2008 và hoàn thành đưa vào sử dụng trong Quý I/2010.

Đã hoàn tất công tác lắp đặt thiết bị, hiện đang vận hành chạy thử.

2.5 Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng:

Tình hình thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 230 tỷ

Đã ký hợp đồng thuê đất với UBND Tp. Đà Nẵng 30.001m²

Đã hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công, khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công phần thủy công.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Ngày 23/11/2009, ĐHCĐ bất thường Công ty đã ra Nghị quyết miễn nhiệm ông Nguyễn Chí Dũng thôi là thành viên HĐQT Công ty và bầu bổ sung ông Đỗ Tấn là thành viên HĐQT Công ty.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Sản lượng năm 2010: 150.000 Tấn
- Doanh thu năm 2010: 1.621 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 32,81 tỷ
- Vốn điều lệ: 350 tỷ

IV. Báo cáo của Ban giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại : 26.617.000 cổ phiếu (trong đó cổ phiếu của cổ đông sáng lập : 19.630.631 CP, cổ đông khác :6.986.369 cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 6.954.399 cổ phần
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : dự kiến năm 2009: 8%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.06	1.18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.67	1.07

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	63.86%	70.17%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	196.01%	274.14%
Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả	%	44.13%	79.45%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	43.17	29
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1.62	1.66
Vòng quay phải trả	Vòng	4.81	5.1
Vòng quay phải thu	Vòng	6.83	6.8
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0.63%	1.72%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	3.08%	9.99%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	1.03%	2.86%
Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.68%	1.73%

- Những thay đổi về vốn cổ đông: Thời điểm trước khi tăng vốn và sau khi tăng vốn:

Theo giấy chứng nhận số 303/UBCK-GCN ngày 06/06/2008 của UB CK NN cho phép PVGASN chào bán cổ phiếu ra bên ngoài để tăng vốn điều lệ kết thúc đợt tăng vốn kết quả: phần vốn nhà nước do TCT Khí nắm giữ là 73,75% tương đương 19.630.631 cổ phiếu tăng 0,31% so với tỷ lệ nắm giữ trước đây.

Cổ phiếu ưu đãi: 270.000 cổ phiếu

Phần vốn góp của Nhà nước tương đương 19.630.631 Cổ phiếu là số cổ phiếu bị hạn chế.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1 Kết quả kinh doanh chính năm 2009

Sản lượng: 128 244 Tấn đạt 117 % Kế hoạch năm

Trong đó: Bán Bình: 35 543 Tấn

Bán Gas rời: 92 701 Tấn

Doanh thu: 1 580 tỷ đồng, đạt 134 % KH năm

Lợi nhuận trước thuế: 28 272 tỷ đồng

2.2 Nguyên nhân của những kết quả đạt được và tồn tại

- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước đang diễn biến phức tạp, suy thoái kinh tế vẫn tiếp tục kéo dài trong năm 2009, làm nhu cầu tiêu dùng giảm sút, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Giá cả nguyên nhiên liệu vẫn còn biến động mạnh, giá các mặt hàng chủ yếu như xăng dầu, sắt thép và một số nguyên liệu khác sẽ vẫn có những đột biến về giá, giá LPG biến động không theo quy luật, gây khó khăn cho công tác lập kế hoạch và tiêu thụ.
- Nhu cầu tiêu thụ của khách hàng trong thời gian những tháng cuối năm 2008 và tháng 1 tháng 2 đầu năm 2009 cao, nguồn hàng trên thị trường trong thời điểm này thiếu, không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Cuối tháng 2/2009 hàng về kho đầu mỗi nhiều, mặt khác thông tin giá trong các tháng tiếp theo giảm, nên lượng tiêu thụ hàng giảm đi rõ rệt.
- Từ tháng 7/2009 PVGAS N bắt đầu tiếp nhận hàng từ Nhà Máy Lọc dầu Dung Quất, nhà máy đang trong giai đoạn chạy thử nên lượng hàng giao không đều giữa các tháng giao nhận hàng dẫn đến PVGAS N đã gặp nhiều khó khăn trong công tác điều tiết nguồn hàng.
- Các hoạt động kinh doanh không lành mạnh trên thị trường ngày càng phát triển về quy mô và mức độ tinh vi trong khi đó chế tài không đảm bảo tính răn đe.
- Tình hình chiếp nạp LPG lậu diễn biến hết sức phức tạp cùng với việc chưa có những quy định quản lý của nhà nước dẫn đến việc chiếm dụng bình gas và chiết nạp lậu diễn ra phổ biến ở hầu hết các đơn vị có trạm nạp.
- Nghị định kinh doanh khí đốt hóa lỏng ban hành gây nhiều biến động trên thị trường trước khi thị trường đi vào ổn định theo định hướng của nhà nước.
- Việc ban hành Nghị định về quản lý sản xuất kinh doanh LPG chậm, chưa có khung pháp lý đủ mạnh để xử lý triệt để các trường hợp vi phạm.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Kết quả sản xuất kinh của Công ty đã có lợi nhuận vượt kế hoạch năm.
- Bộ máy làm việc của công ty sau cổ phần hóa đã ổn định và hoàn thiện, CBCNV luôn được đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Các dự án đầu tư của công ty đã thực hiện đúng tiến bộ và đảm bảo chất lượng công trình.
- Ban Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của công ty đã đoàn kết, sâu sát với tình hình kinh doanh của công ty cố gắng hạn chế những ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trên thế giới và trong nước.

V. Báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán hiện hành.

Chi tiết Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Bảng Kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2009 (số liệu đã kiểm toán):

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2009	31/12/2008
				Đơn vị: VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		681,405,277,826	510,442,755,284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	280,332,699,511	173,138,817,308
1. Tiền	111		38,550,366,427	24,904,686,147
2. Các khoản tương đương tiền	112		241,782,333,084	148,234,131,161
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		450,000,000	77,200,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	450,000,000	77,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		318,022,921,150	202,642,020,312
1. Phải thu khách hàng	131		292,251,323,942	158,252,557,856
2. Trả trước cho người bán	132		15,931,531,905	28,771,646,286
3. Các khoản phải thu khác	135	7	14,388,191,019	17,691,651,254
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4,548,125,716)	(2,073,835,084)
IV. Hàng tồn kho	140		61,286,594,492	34,484,873,181
1. Hàng tồn kho	141	8	61,286,594,492	34,484,873,181
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21,313,062,673	22,977,044,483
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,958,194,575	589,285,091
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13,047,929,509	11,518,214,936
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3,176,133,450	2,483,100,500
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2,130,805,139	8,386,443,956
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		358,373,375,555	304,699,454,577
I. Tài sản cố định	220		144,777,437,947	73,000,191,194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	121,802,720,819	16,707,076,322
- Nguyên giá	222		182,618,058,956	67,119,955,630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60,815,338,137)	(50,412,879,308)
2. Tài sản cố định vô hình	227			

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc
Báo cáo thường niên năm 2009

			198,710,066	192,267,198
- Nguyên giá	228		571,236,370	483,736,370
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(372,526,304)	(291,469,172)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	22,776,007,062	56,100,847,674
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	80,698,924,800	111,198,924,800
1. Đầu tư dài hạn khác	258		90,698,924,800	111,198,924,800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10,000,000,000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		132,897,012,808	120,500,338,583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	131,893,810,560	118,414,381,601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	80,336,406
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,003,202,248	2,005,620,576
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,039,778,653,381	815,142,209,861
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		729,701,418,628	520,335,667,582
I. Nợ ngắn hạn	310		579,787,063,505	229,264,326,809
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	150,000,000,000	-
2. Phải trả cho người bán	312		397,572,328,748	203,754,460,200
3. Người mua trả tiền trước	313		16,085,784,024	460,058,228
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3,350,203,592	844,465,998
5. Phải trả người lao động	315		7,172,101,586	979,994,055
6. Chi phí phải trả	316		838,970,176	1,835,125,050
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	4,767,675,379	21,390,223,278
II. Nợ dài hạn	330		149,914,355,123	291,071,340,773
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	56,354,713,185	47,675,799,415
2. Vay dài hạn	334	18	93,000,000,000	243,000,000,000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		559,641,938	395,541,358
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		310,077,234,753	294,806,542,279
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	308,493,321,907	294,806,542,279
1. Vốn điều lệ	411		266,170,000,000	266,170,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19,717,060,000	19,717,060,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		412,309,852	412,309,852
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		412,309,852	412,309,852

5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21,781,642,203	8,094,862,575
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	1,583,912,846	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	1,583,912,846	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	1,039,778,653,381	815,142,209,861

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009		2008	
1. Doanh thu bán hàng	01		1,540,365,937,783		1,294,065,702,875	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,648,673,985		34,327,273	
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	20	1,538,717,263,798		1,294,031,375,602	
4. Giá vốn hàng bán	11		1,389,616,970,111		1,231,927,521,050	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		149,100,293,687		62,103,854,552	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	40,412,520,836		47,515,983,121	
7. Chi phí tài chính	22	22	36,818,980,809		11,995,884,985	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>1,222,175,000</i>		<i>-</i>	
8. Chi phí bán hàng	24		96,246,843,788		71,740,936,016	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28,924,383,035		17,499,067,989	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		27,522,606,891		8,383,948,683	
11. Thu nhập khác	31		770,831,207		2,810,770,913	
12. Chi phí khác	32		21,894,359		2,305,033,336	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		748,936,848		505,737,577	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28,271,543,739		8,889,686,260	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,664,913,642		1,084,260,298	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		-	
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		26,606,630,097		7,805,425,962	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1,000		444	

IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Kiểm toán nội bộ:

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có

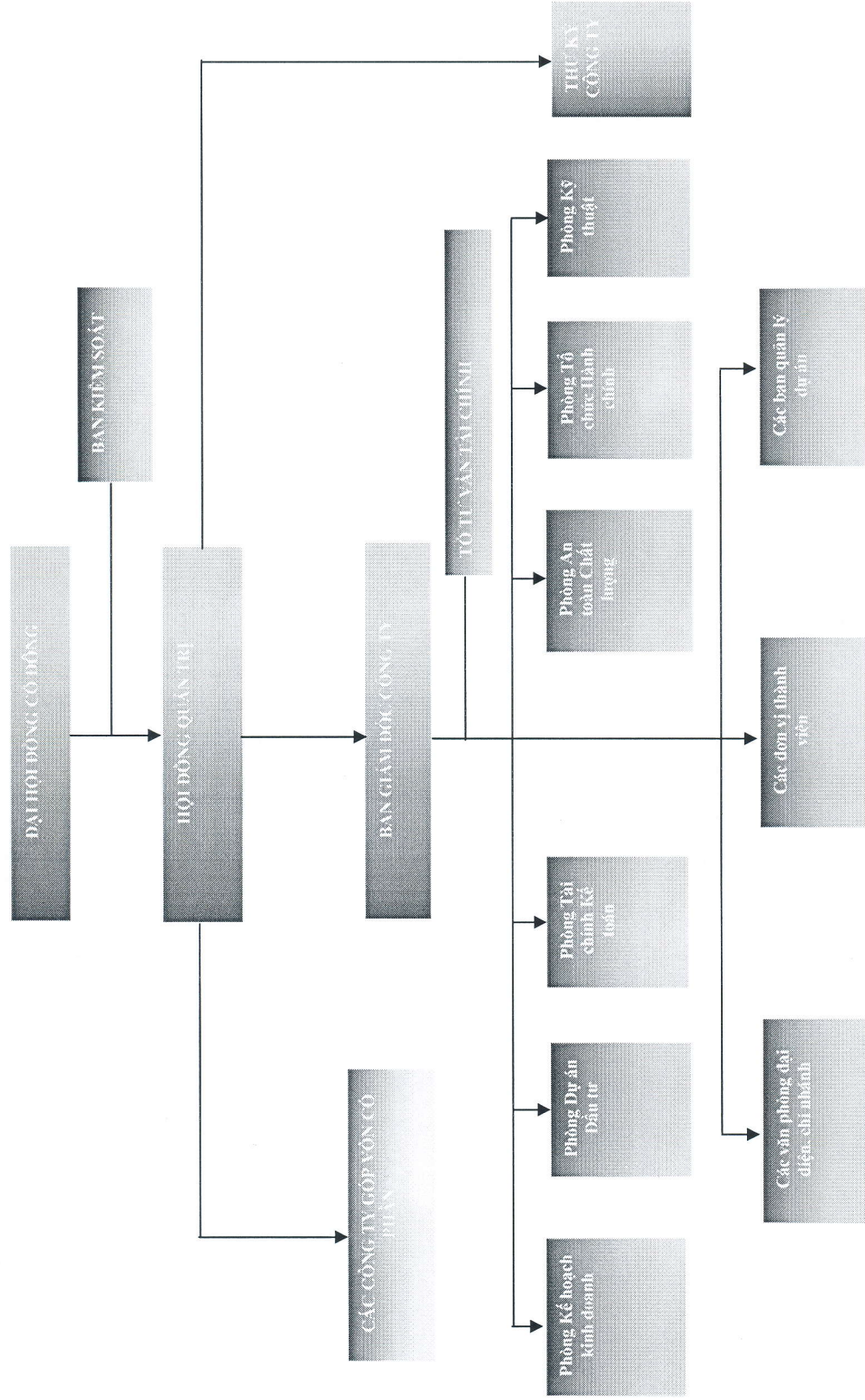
V. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty.

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Số CMND/Số GCN ĐKKD
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty Khí	Tòa nhà SCETPA, 19A đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	19.630.631	196.306.310	73,75	4904000043

VI. Tổ chức và nhân sự:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc
Báo cáo thường niên năm 2009



➤ **ÔNG ĐOÀN QUANG VINH - Ủy viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc**

- Chức vụ hiện tại Chủ tịch HĐQT
- Giới tính Nam
- Ngày sinh 09/09/1955
- Số CMND 011792369
- Trình độ văn hóa 10/10
- Trình độ chuyên môn Kỹ sư xây dựng đường ống và bể chứa xăng dầu
- Quá trình công tác
 - * 1979 – 1990: Công tác tại Cục xăng dầu - Tổng cục Hậu cần: Trợ lý kỹ thuật, cấp bậc từ Thiếu úy đến Thiếu tá
 - * 1990 – 1993: Công tác tại công ty thiết kế công trình Xăng dầu và Dầu khí - Bộ Thương mại: Kỹ sư thiết kế phòng Thiết kế 1
 - * 1993 – 1996 Kỹ sư Đốc công xí nghiệp xây lắp tại liên doanh dầu khí Vietsovpetro
 - * 1996 – 2000: Công tác tại Ban quản lý dự án khí - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam: Phụ trách chi nhánh Hà Nội.
 - * 2000 – 12/2001 Công tác tại công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
 - * 1/2002 – 3/2006 Phó Giám đốc Xí nghiệp 2 – PV Gas
 - * 3/2006 – 5/2007 Phó giám đốc công ty kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc
 - * 5/2007 – 27/08/2007 Ủy viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc
 - * 12/9/2007 đến nay Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Bắc
- Số cổ phần nắm giữ:
 - * Sở hữu cá nhân 4.550 cổ phần Tỷ lệ: 0,017% VĐL
 - * Đại diện Tổng công ty khí: 8.983.831 cổ phần Tỷ lệ: 33,75% VĐL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan: Không

➤ **ÔNG TRẦN TRỌNG HỮU – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Chức vụ hiện tại	Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
- Giới tính	Nam
- Ngày sinh	10/05/1963
- Số CMND	011492051
- Trình độ văn hóa	10/10
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
- Các chứng chỉ đào tạo ngắn hạn:	- Tiếng Anh trình độ C - Quản lý Marketing, quản lý dịch vụ khách hàng - Quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, quản lý đầu thầu và xây dựng cơ bản.
- Quá trình công tác	
* 1986 – 1995:	Kỹ sư phòng Thiết kế - Viện thiết kế công trình cơ khí - Bộ công nghiệp
* 06/1995 – 08/1997	Chuyên viên tại Chi nhánh Hà Nội – Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
* 09/1997 – 12/1997	Chuyên viên tại Ban quản lý dự án Kho cảng Thị Vải
* 01/1998 – 10/1999	Chuyên viên tại Ban quản lý dự án Kho cảng Hải Phòng
* 10/1999 – 10/2000	Phụ trách kinh doanh khí hoá lỏng – Chi nhánh Hà Nội Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
* 11/2000 – 05/2001	Phụ trách kinh doanh Xí nghiệp Kinh doanh sản phẩm khí miền Bắc thuộc Công ty Chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí.
* 06/2001 – 06/2006	Phó Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh sản phẩm khí miền Bắc thuộc Công ty chế biến

-
- * 07/2006 – 12/2006 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc
 - * 1/2007 – 06/2007 Ủy viên HĐQT – Giám đốc công ty kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - * 7/2007 đến nay Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc công ty cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc
- Số cổ phần nắm giữ
- * Sở hữu cá nhân: 11.300 cổ phần Tỷ lệ: 0,042% VDL
 - * Đại diện Tổng công ty Khí: 5.323.400 cổ phần Tỷ lệ: 20% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2009: 282 cán bộ
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng thành viên/ Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng: Thay đổi Ông Đoàn Trúc Lâm đang giữ chức vụ UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

VII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban Kiểm soát/ Kiểm soát viên:

a. Thành viên HĐQT

Ngày 23/11/2009, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Chí Dũng thôi là uỷ viên HĐQT và bầu bổ sung ông Đỗ Tấn là uỷ viên HĐQT Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Tham gia điều hành
Đoàn Quang Vinh	Chủ tịch	
Trần Trọng Hữu	Thành viên	Tổng Giám đốc
Đoàn Trúc Lâm	Thành viên	Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Tấn	Thành viên	
Phạm Tô Văn	Thành viên	Trưởng phòng HC - TC

b. Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Tham gia điều hành
Hoàng Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Không
Trần Thị Kim Phượng	Kiểm soát viên	Không
Đỗ Thị Bích Quyên	Kiểm soát viên	Không

- Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2007-2011, có 3 thành viên, trong đó gồm: Bà Hoàng Thị Thu Hằng (Trưởng Ban), Bà Trần Thị Kim Phượng, Bà Nguyễn Thị Kim Anh(Thành viên), được Đại hội đồng cổ đông 2007 bầu và thông qua ngày 25/05/2007 tại Hà nội. Tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2009, Đại hội đồng cổ đông đã ra nghị quyết miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Kim Anh thôi giữ chức kiểm soát viên Công ty và bầu bổ sung bà Đỗ Thị Bích Quyên là Kiểm soát viên Công ty. Ngay sau khi được bầu, Ban Kiểm soát đã đề ra được quy chế hoạt động và phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên.

Ban Kiểm soát duy trì họp thường kỳ theo quy chế hoạt động, ngoài ra các vấn đề khác khi cần thiết nếu không tổ chức họp được đều có trao đổi trực tiếp giữa các thành viên từ đó để thống nhất phương hướng giải quyết. Thực hiện việc giám sát các hoạt động tài chính và kinh doanh. Các báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng đều được Ban Kiểm soát xem xét. Định kỳ 6 tháng và một năm đều có đợt kiểm tra giám sát đến từng đơn vị thành viên công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hoặc đột xuất (nếu được mời) để định hướng, quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Công ty, chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm đều có Ban Kiểm soát tham dự để theo dõi và đóng góp ý kiến. Ban Kiểm soát đã làm tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khí, của Hội đồng quản trị, tập trung hỗ trợ sát sao HĐQT để triển khai tốt nghị quyết và tuân thủ các quy định của Pháp luật.

- Thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát :

Thù lao của uỷ viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát đã chi trong năm 2009 theo đúng Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 25/5/2007 thông qua là: 11.000.000đ . Cụ thể là:

- Ông Đỗ Tấn – UV HĐQT: 3.000.000đ (tháng 12/2009)
- Bà Đỗ Thị Bích Quyên – TV.BKS: 8.000.000đ (Từ 5/2009 đến 12/2009)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT tới 31/12/2009

Họ tên	Chức vụ	Cổ phiếu	%
Đoàn Quang Vinh	Chủ tịch	4.550 CP	0,017%
Trần Trọng Hữu	Thành viên	11.300 CP	0,042%
Đoàn Trúc Lâm	Thành viên	1.700 CP	0,006%
Đỗ Tấn	Thành viên	0 CP	0%
Phạm Tô Văn	Thành viên	1.600 CP	0,006%

➤ **CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

PV Gas North là cổ đông sáng lập của các công ty:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí thấp áp (PVGAS – D)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí (PVFC invest)
- Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn

a. Cơ cấu cổ đông trong nước tại 31/12/2009:

- i. Cổ đông trong nước : 26,15 %
- ii. Cổ đông nước ngoài: 0,1 %

b. Thông tin chi tiết cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Số CMND/Số GCN ĐKKD
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty Khí	Tòa nhà SCETPA, 19A đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	19.630.631	196.306.310	73,75	4904000043

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

